

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28-3-2018

V/v ly hôn giữa anh H và chị N

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thanh Cường;

2. Ông Vũ Trí Khiêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự, Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 514/2017/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXX-ST ngày 07 tháng 3 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H (tức Nguyễn Đình H) sinh năm 1975 “có mặt”

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1976 “ vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị N đăng ký kết hôn năm 2001 tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 8 năm. Đến năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị N hiểu lầm anh nên ghen

tuông vô cớ, xúc phạm và không tôn trọng anh. Cuộc sống gia đình luôn trong tình trạng căng thẳng, ngột ngạt, vợ chồng tuy chung sống cùng nhà nhưng không còn quan hệ vợ chồng và không quan tâm chăm sóc lẫn nhau đã hơn 4 năm rồi. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị N.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh có 02 con chung là Nguyễn Đức A, sinh ngày 03/3/2002 và Nguyễn Lê A, sinh ngày 17/11/2012. Các cháu đều khỏe mạnh phát triển bình thường. Anh đã được Tòa án giải thích về quyền yêu cầu giải quyết về con chung nhưng do anh không muốn làm ảnh hưởng tâm lý của các con nên anh không đề nghị giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng vợ chồng anh tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/01/2018 bị đơn, chị H Thị N trình bày: Về thời gian đăng ký kết hôn và quá trình chung sống như anh H trình bày là đúng. Nay anh H xin ly hôn nhưng chị mong muốn vợ chồng đoàn tụ đợi các con trưởng thành nên chị không đồng ý ly hôn.

Về con chung, tài sản, công nợ chung chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, các Điều 147, 227, 228, 271, 272 và 273 BLTTDS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị N.

Về nuôi con chung, tài sản và công nợ: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên không đặt ra xem xét. Ngoài ra còn đề xuất về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Chị N vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của BLTTDS xét xử vắng mặt chị N.

[2] *Về hôn nhân:* Anh Nguyễn Văn H (tức Nguyễn Đình H) và chị Nguyễn

Thị N đăng ký kết hôn năm 2001 tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, nên hôn nhân giữa anh H và chị N là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian dài. Đến năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay anh H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Chị N mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị cũng xác nhận vợ chồng đã ly thân nhiều năm nay. Điều đó chứng tỏ cuộc sống vợ chồng giữa anh H và chị N đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho anh H được ly hôn chị N.

[3] *Về nuôi con chung*: Quá trình chung sống vợ chồng anh H, chị N có 02 con chung là Nguyễn Đức Anh, sinh ngày 03/3/2002 và Nguyễn Lê Anh, sinh ngày 17/11/2012. Các cháu đều khỏe mạnh phát triển bình thường. Anh H và chị N đều đã được nghe giải thích về quyền yêu cầu giải quyết về nuôi con chung nhưng không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] *Về tài sản và công nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 227, 228, khoản 4 Điều 147, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn H (tức Nguyễn Đình H) và chị Nguyễn Thị N.

2. *Về án phí*: Anh H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh H đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2017/0002868 ngày 28/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã H, huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM.Hội đồng xét xử sơ thẩm
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Thu Thủy

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ ... phút, ngày 28 tháng 3 năm 2018.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Thanh Cường và Vũ Trí Khiêm

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 514/2017/TLST-HNGĐ ngày 29/11/2017, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H (tức Nguyễn Đình H) sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 227, 228, khoản 4 Điều 147, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn H (tức Nguyễn Đình H) và chị Nguyễn Thị N.

Kết quả biểu quyết 3/3

2. Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh H đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2017/0002868 ngày 28/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Kết quả biểu quyết 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 28 tháng 3 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thanh Cường Vũ Trí Khiêm

Tạ Thị Thu Thủy